

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát lập thiết kế cơ sở dự án đầu tư
Công trình: Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông Tân, Tiến, Thái
huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội khóa XIII kỳ họp thứ 7;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ thông tư 17/2013/TT-BXD ngày 30/10/2013 của Bộ xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng công trình;

Căn cứ Công văn số 3482/BXD-HĐXD ngày 30/12/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Luật xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số: 15/2013/NĐ-CP ngày 6/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4696/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông Tân, Tiến, Thái huyện Nga Sơn;

Căn cứ kết quả thẩm định số: 2626/SGTVT- TĐ ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Sở giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa về việc kết quả thẩm định nhiệm vụ và dự toán khảo sát lập thiết kế cơ sở dự án đầu tư công trình: Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông Tân, Tiến, Thái huyện Nga Sơn;

Xét đề nghị của trưởng Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí khảo sát lập thiết kế cơ sở dự án đầu tư công trình: Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông Tân, Tiến, Thái huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa với những nội dung chính sau:

- 1. Tên công trình:** Đầu tư nâng cấp tuyến đường giao thông Tân, Tiến, Thái huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hóa;
- 2. Địa điểm xây dựng:** Xã Nga Tân, Nga Tiến, Nga Thái, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

3. Chủ đầu tư: Ủy ban Nhân dân huyện Nga Sơn;

4. Đơn vị giao nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Nga Sơn;

5. Nội dung nhiệm vụ khảo sát công trình:

5.1. Công tác điều tra cơ bản, gồm:

- Khảo sát thủy văn: Điều tra thu thập số liệu đầu vào tính toán thủy văn của dọc tuyến và các công trình thoát nước. Khối lượng dự kiến: 05 công.

- Điều tra GPMB. Khối lượng dự kiến: 15 công.

- Điều tra trữ lượng, điều kiện khai thác, làm việc với địa phương, điều tra các công trình liên quan, đánh giá tuyến,... Khối lượng dự kiến: 15 công.

- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của vật liệu điều tra. Khối lượng dự kiến: Xác định chỉ tiêu đầm nén tiêu chuẩn 01 mẫu; Thí nghiệm mẫu cát sỏi 01 mẫu; Xác định chỉ tiêu cơ lý đá xây dựng 01 mẫu.

5.2. Công tác khảo sát:

5.2.1. Công tác khảo sát địa hình:

* **Lưới khống chế mặt bằng (đường chuyên hạng 4):** Đo bằng công nghệ GPS (Global Positioning System) theo hệ tọa độ nhà nước (VN2000) với các chỉ tiêu độ chính xác trong hệ qui chiếu UTM qui định trong TCVN 9401:2012 “Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình”

Bố trí trung bình <2.5km/điểm

* Khối lượng dự kiến:

Dự kiến mốc GPS, địa hình cấp II: 03 điểm.

***Lưới đường chuyên cấp 2, cao độ hạng IV:**

Lưới đường chuyên cấp 2 (ĐCII) được đo đạc bằng phương pháp toàn đạc điện tử (Total Station) từ kết hợp đo cao bề mặt và gương phản chiếu có chân cố định.

Bố trí các mốc lưới độ cao hạng IV đặt trùng với các mốc khống chế mặt bằng.

* Khối lượng dự kiến:

Dự kiến đường chuyên cấp 2, địa hình cấp II: 25 điểm.

Dự kiến lưới khống chế độ cao hạng IV, địa hình cấp II: 6.8 km.

* **Lưới thủy chuẩn kỹ thuật cấp 2:**

Lưới thủy chuẩn kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp đo cao hình học bằng máy thủy bình Ni-025 hoặc máy có độ chính xác tương đương. Sai số trong giới hạn quy trình 22TCN263-2000.

* Khối lượng dự kiến:

Dự kiến lưới thủy chuẩn kỹ thuật cấp 2, địa hình cấp II: 6.8 km.

* **Đo vẽ bình đồ tuyến và nút giao:**

Phóng tuyến, định đỉnh, đóng công:

- Căn cứ phương án tuyển chọn trên bản đồ 1/10000; 1/25.000, đối chiếu với thực địa tiến hành cắm tuyến ra ngoài thực địa, định đỉnh, đóng công đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của cấp đường, yêu cầu đóng đường cong dạng chuyển tiếp.

- Rải cọc chi tiết phản ánh chính xác địa hình dọc tuyến và hai bên tuyến, bao gồm các loại: cọc Km, cọc H, cọc chủ yếu của đường cong, cọc địa hình, cọc thể hiện các vị trí giao cắt, các công trình nhân tạo (cầu, cống,...).

- Trên đường thẳng đóng không quá 40m/cọc, trên đường cong và khu vực có địa hình khó khăn đóng không quá 20m/cọc.

- Trên cơ sở tuyến đã được xác định đo vẽ bình đồ tuyến tỷ lệ 1/2000, đường đồng mức 1.0m phạm vi đo vẽ bình đồ dọc theo hướng tuyến với tổng chiều dài khoảng 6800m, theo phương ngang tuyến đo mỗi bên 15m so với tim tuyến.

- Đo vẽ bình đồ nút giao tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 1.0m phạm vi đo vẽ bình đồ theo hướng các nhánh giao và phương ngang tuyến đo mỗi bên 15m so với tim tuyến, chiều dài mỗi nhánh giao là 20m. Dự kiến, toàn tuyến có 04 ngã ba và 02 ngã tư.

- Trên bình đồ yêu cầu thể hiện đầy đủ địa hình, địa vật, các công trình nổi, công trình ngầm, đường giao thông, nhà cửa hệ thống cọc mốc...

Thể hiện được hết các vị trí đường dây điện cao thế, hạ thế, đường dây thông tin ...

* Khối lượng dự kiến:

- Địa hình cấp II, đo vẽ bình đồ TL1/2000, đường đồng mức 1.0m = $30 \times 6600 / 10000 = 19.8\text{ha}$

- Địa hình cấp II, đo vẽ bình đồ TL1/500, đường đồng mức 1.0m = $30 \times (4 \times 4 \times 30 + 3 \times 3 \times 30) / 10000 = 1.62\text{ha}$

* **Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến, nút giao, đường ngang dân sinh:**

- Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến tỷ lệ cao 1/200, dài 1/2000 theo chiều dài tuyến.

- Đo vẽ mặt cắt dọc các nhánh giao tỷ lệ cao 1/200, dài 1/500, mỗi nhánh dài 50m.

- Cắt dọc phản ánh đúng địa hình tự nhiên, vị trí cống, đường giao, đường điện được thể hiện bằng các cọc trên địa hình như cọc H; cọc địa hình, cọc Km, khoảng cách giữa các cọc $\leq 30\text{m}$.

* Khối lượng dự kiến:

- Địa hình cấp II, đo vẽ trắc dọc tuyến và nút giao, trên cạn: $6800 + (3 \times 4 \times 20 + 2 \times 2 \times 20) = 7120\text{ m}$.

* **Đo vẽ mặt cắt ngang:**

- Đo vẽ mặt cắt ngang tỷ lệ 1/200, trên cạn khoảng cách giữa các mặt cắt không quá 30m (tính trung bình 25m/mặt cắt – tính cả các cọc địa hình, cọc H, cọc Km và cọc trong đường cong), phạm vi đo về mỗi bên so với tim tuyến là 10m. Đo mặt cắt ngang tại tất cả các cọc có trên trắc dọc.

- Phải đo mặt cắt ngang bằng máy toàn đạc điện tử hoặc máy kinh vĩ kết hợp thước chữ A. Hướng đo phải vuông góc với tim tuyến đường, trong đường cong phải theo đường hướng tâm.

* Khối lượng dự kiến:

- Địa hình cấp II, đo vẽ mặt cắt ngang tuyến: 5872 m.

5.2.2. Công tác khảo sát đường cũ:

* **Khảo sát mặt đường cũ:**

- Điều tra kết cấu mặt đường, bề rộng nền, mặt đường, dự kiến đào 01 hố/km kích thước 40x40x50cm.

- Trên mặt đường nhựa cũ xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường hiện tại bằng cần đo độ võng Benkelman, cự ly trung bình 50m/điểm. Số lượng điểm đo tính 70% theo chiều dài tuyến vì một số đoạn tuyến là mặt đường chưa láng nhựa.

* Khối lượng dự kiến: Đo E đường cũ: $136 \times 70\% = 95$ điểm.

Đào kiểm tra kết cấu mặt đường cũ: 07 hố

5.2.3. Công tác khảo sát địa chất:

* **Khoan nền đường:**

Trong giai đoạn này dự kiến khoan 01 hố/km (vị trí hố khoan sẽ được Chủ trì địa chất xác định sau khi có bình đồ khảo sát địa hình tuyến). Khoan xoay bơm rửa ống lấy mẫu trên cạn:

- Công tác khoan nền đường được tiến hành như sau: Dọc theo tim tuyến dự kiến để đánh giá điều kiện địa chất công trình cho nền đường.

- Chiều sâu hố khoan dự kiến như sau:

+ Nền đường thông thường: 7.0m.

+ Trong quá trình khoan cứ 2m tiến hành lấy 1 mẫu đất để thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý, nếu bắt gặp lớp đất yếu phải tiến hành lấy mẫu đất bằng ống mẫu thành mỏng cho đến hết chiều sâu phân bố của lớp đất yếu. Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý 60% tổng số mẫu lấy.

* **Điều kiện kết thúc của hố khoan nền đường thông thường:**

- Gặp đá góc.

- Khoan hết chiều sâu dự kiến là 7.0m.

* **Yêu cầu đối với công tác thí nghiệm trong phòng**

Tất cả các mẫu thí nghiệm trong phòng được tiến hành theo TCVN hiện hành

* Khối lượng dự kiến:

- Số hố khoan dự kiến: 07 hố khoan.

- Tổng chiều dài khoan dự kiến: 49.0 m

- Tổng số mẫu lấy: 21 mẫu; số mẫu thí nghiệm: 14 mẫu

- Thí nghiệm mẫu nguyên dạng: 07 mẫu

- Thí nghiệm mẫu phá hủy: 07 mẫu.

5.2.4. Công tác khảo sát đánh giá tác động môi trường:

Có đề cương riêng

Bảng tổng hợp khối lượng khảo sát

T.T	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
I	CÔNG TÁC ĐIỀU TRA, THU THẬP TÀI LIỆU		
1	Khảo sát thủy văn	công	05
2	Điều tra GPMB		15
3	Điều tra trữ lượng, điều kiện khai thác, làm việc với địa phương, điều tra các công trình liên quan, đánh giá tuyến		15
4	Xác định chỉ tiêu đầm nén tiêu chuẩn	mẫu	01
5	Thí nghiệm mẫu cát sỏi	mẫu	01
6	Xác định chỉ tiêu cơ lý đá xây dựng	mẫu	01
II	CÔNG TÁC KHẢO SÁT		
A	Khảo sát địa hình		
1	Lưới khống chế mặt bằng đo bằng công nghệ GPS, địa hình cấp II	điểm	03
2	Lưới đường chuyền cấp 2, địa hình cấp II	điểm	25.0
3	Lưới khống chế độ cao hạng IV, địa hình cấp II	km	6.8
4	Lưới thủy chuẩn kỹ thuật cấp 2, địa hình cấp II	km	6.8
	Đo vẽ bình đồ tuyến TL1/2000, địa hình cấp II, trên cạn	ha	19.80
5	Đo vẽ bình đồ nút giao TL1/500, đường đồng mức 1.0m địa hình cấp II, trên cạn	ha	1.62
6	Đo vẽ mặt cắt dọc tuyến và nút giao TL 1/200; 1/2000, địa hình cấp II, trên cạn	m	7120
7	Đo vẽ mặt cắt ngang TL 1/200, địa hình cấp II, trên cạn	m	5872
B	Khảo sát đường cũ		
1	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần đo độ võng Benkelman	điểm	95
2	Đào hố kiểm tra kết cấu mặt đường (KT40x40x50cm)	Hố	05
C	Khảo sát địa chất		
1	Khoan địa chất nền đường - khoan xoay bơm rửa ống lấy mẫu trên cạn, cấp đất đá I-III	m	49.0
2	Thí nghiệm xác định chỉ tiêu cơ lý mẫu nguyên dạng	Mẫu	07
3	Thí nghiệm xác định chỉ tiêu cơ lý mẫu không nguyên dạng	Mẫu	07

6. Dự toán chi phí khảo sát lập thiết kế cơ sở dự án đầu tư là: 452.896.000 đồng;
(*Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi hai triệu, tám trăm chín mươi sáu nghìn đồng*)

(Có bảng dự toán thâm định kèm theo)

7. Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách tỉnh đầu tư nguồn kinh phí xây lắp từ nguồn đầu tư phát triển và các nguồn hợp pháp khác.

8. Thời gian thực hiện: 45 ngày.

Điều 2. Ban quản lý dự án đầu t xây dựng có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự quản lý đầu t xây dựng cơ bản hiện hành. Tổ chức quản lý, đảm bảo tiến độ thực hiện dự án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng ban quản lý dự án đầu t xây dựng huyện; Trưởng phòng Công thương; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Lưu: VT, BQL.

CHỦ TỊCH

Bùi Đình Cam